

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04-6-2020

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hòa Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên;

2. Ông Huỳnh Thanh Hùng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 478/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2020/QĐXXST - HN ngày 04 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Cao Kiêm C, sinh năm 1974, địa chỉ: số 55 đường Tân Đà, khóm LT A, phường LH, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (có mặt);

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Cg, sinh năm 1968, địa chỉ: tổ 20, khóm Long Thị B, phường LH, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 24/12/2019 và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bà Cao Kiêm C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông Cg được gia đình hai bên đồng ý, thống nhất chung sống với nhau vào năm 1992, không tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do ông Cg mỗi lần uống rượu là thường xuyên chửi mắng về nhà đánh đập bà C. Nhận thấy tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà C yêu cầu ly hôn với ông Cg.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà C và ông Cg có 01 con chung tên Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1993. Con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ông Cg đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho người thân của ông Nguyễn Văn Cg nhận thay và cam kết giao lại cho ông Cg, nhưng ông Cg vẫn không đến Tòa án, không có lời khai trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà C, do đó Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung, theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bà Cao Kiêm C vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn Cg; Con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1993. Con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 97, Điều 191, Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Cao Kiêm C và ông Nguyễn Văn Cg .

Về con chung: Bà C và ông Cg có 01 con chung tên Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1993. Con chung đã trưởng thành và tự lập được, nên đề nghị không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà C khai trong quá trình chung sống với ông Cg không tạo lập được tài chung cũng như không có nợ chung, trong quá trình giải quyết vụ án ông Cg vắng mặt không có lời khai nên không xác định được giữa bà C và ông Cg sống chung có tạo lập được tài sản gì hay không cũng như có nợ chung không, do đó đề nghị HĐXX không đề cập giải quyết trong vụ

án này, sau này các đương sự có tranh chấp được giải quyết bằng 01 vụ án khác theo quy định của pháp luật

Về án phí: Bà Cao Kiêm C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền:* Bà Cao Kiêm C khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn Cg. Đồng thời, ông Cg cư trú trên địa bàn thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Cao Kiêm C và ông Nguyễn Văn Cg chung sống với nhau từ năm 1992, không tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn, bà C cho rằng cuộc sống chung hòa thuận, hạnh phúc năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Cg mỗi lần uống rượu là thường xuyên chửi mắng về nhà đánh đập bà C. Nhận thấy tình cảm không thể hàn gắn, bà C yêu cầu ly hôn với ông Cg.

Xét thấy bà C, ông Cg sống chung từ năm 1992 có đủ điều kiện kết hôn, nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng, mặc dù bà C có yêu cầu ly hôn với ông Cg, Hội đồng xét xử không có căn cứ cho ly hôn, cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà C với ông Cg là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] *Về con chung:* Trong thời gian chung sống, bà C và ông Cg có 01 con chung tên Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1993. đã trưởng thành và có khả năng lao động được Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về việc nuôi con chung.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà C khai trong quá trình chung sống với ông Cg không tạo lập được tài chung cũng như không có nợ chung, trong quá trình giải quyết vụ án ông Cg vắng mặt không có lời khai nên không xác định được giữa bà C và ông Cg trong thời gian sống chung có tạo lập được tài sản chung không cũng như có nợ chung không. Do đó, HĐXX không đề cập giải quyết trong vụ án này, sau này các đương sự có tranh chấp được giải quyết bằng 01 vụ án khác theo quy định của pháp luật

[6] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà Cao Kiêm C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang, bà C không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên bố:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Cao Kiêm C và ông Nguyễn Văn Cg.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Cao Kiêm C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang biên lại thu số 0002265 ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang;

Về quyền kháng cáo Bản án: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, bà Cao Kiêm C có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh An Giang để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Cg là 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX. Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hòa Bình